

Bản án số: 36/2024/HNGĐ-ST
Ngày 17 tháng 7 năm 2024
V/v: “Tranh chấp về
Hôn nhân và gia đình”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ - TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đinh Thị Thu Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Việt Tú và bà Nguyễn Thị Sâm.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Hải Phú - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Khánh Linh - Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê - tỉnh Phú Thọ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 86/2024/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2024 về việc “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2024/QĐST - HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Trần Văn H, sinh ngày 21/01/1990.

Địa chỉ: Khu A, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Chị Quách Thị H1, sinh ngày 15/01/1994.

Địa chỉ: Khu A, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

(Anh H có đơn xin giải quyết vắng mặt, chị H1 vắng mặt lần 2 không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1, *Tại đơn khởi kiện ngày 23/02/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Trần Văn H trình bày:* Anh và chị H1 kết hôn ngày 21/11/2011 trên cơ sở tự nguyện của hai bên, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C,

tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, không hợp nhau nên chung sống không hạnh phúc, tình yêu thương không có nên thường xuyên cãi vã nhau. Mặc dù đã được gia đình hai bên hòa giải nhiều lần nhưng không được. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2016 đến nay không ai quan tâm đến ai, nay anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với chị H1 nữa nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị H1.

Về con chung: Anh và chị H1 có 01 con chung là Trần Anh N, sinh ngày 19/6/2012, cháu N ở cùng anh và bố mẹ anh từ nhỏ đến nay. Hiện nay anh làm nghề lái xe có thu nhập 15 triệu/ 01 tháng đủ điều kiện để nuôi con. Ngoài anh ra còn có có sự chăm sóc của ông bà nội nên cháu N được ăn, học đầy đủ. Khi ly hôn anh xin được trực tiếp chăm sóc giáo dục nuôi dưỡng cháu N và không yêu cầu chị H1 cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Anh H không yêu cầu giải quyết.

2, *P bị đơn chị Quách Thị H1*: Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê đã gửi giấy báo làm việc nhiều lần nhưng chị H1 đều vắng mặt.

3, *Nguyên vọng của cháu Trần Anh N*: Tại bản tự khai ngày 08/3/2024 cháu N đề nghị nếu bố mẹ cháu ly hôn thì nguyên vọng của cháu xin được ở với bố.

4, *Tại biên bản lấy lời khai ngày 15/5/2024 ông Quách Đại H2 (Bố đẻ chị H1) trình bày*: Anh Trần Văn H và chị Quách Thị H1 kết hôn ngày 21/11/2011 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn thì chị H1 về chung sống anh H và bố mẹ anh H tại khu A, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Quá trình chung sống anh chị có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh H và chị H1 là do vợ chồng ghen tuông cãi chửi nhau vì vậy chị H1 đã bỏ về nhà ông ở, anh chị đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Nay anh H xin ly hôn chị H1 quan điểm của ông là đề nghị Tòa án giải quyết cho anh H và chị H1 được ly hôn. Chị H1 cũng đã chia sẻ với vợ chồng ông là đề nghị Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ giải quyết cho vợ chồng chị được ly hôn, đề nghị Tòa án xét xử và giải quyết vắng mặt chị H1 vì hiện tại Hoan bận không đến Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ để giải quyết được. Anh H và chị H1 có 01 con chung là Trần Anh N, sinh ngày 19/6/2012 hiện cháu đang ở cùng anh Trần Văn H, quan điểm của ông và chị H1 là nay cháu đã trên 8 tuổi vì vậy đề nghị Tòa án lấy ý kiến của cháu và xét theo nguyên vọng của cháu muốn được ở với ai thì Tòa án xem xét giao cho người đó trực tiếp nuôi dưỡng. Anh H và chị H1 kết hôn xong thì chung sống cùng bố mẹ đẻ anh H vì vậy không có tài sản chung gì, cũng không có nợ chung gì, quan điểm của ông và cháu H1 là không đề nghị giải quyết gì về tài sản chung, nợ chung.

5, Qua xác minh tại ủy ban nhân dân xã Tiên Lương ngày 04/6/2024 được đại diện chính quyền địa phương cung cấp: Anh H và chị H1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 21/11/2011 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị tự mâu thuẫn với nhau trong cuộc sống vợ chồng. Khi anh chị mâu thuẫn gia đình hai bên cũng đã khuyên giải nhiều lần nhưng không được. Chị H1 đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ chị ở, anh chị không ai còn quan tâm đến ai. Anh H, chị H1 có một con chung là cháu Trần Anh N, sinh ngày 19/6/2012. Hiện nay cháu N đang ở cùng anh H, được anh H và bố mẹ anh H chăm sóc tốt nên cháu N được ăn học đầy đủ. Nay anh H xin ly hôn chị H1 đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án đều thực hiện đúng theo quy định pháp luật không có vi phạm gì, bị đơn vi phạm về nghĩa vụ quy định tại khoản 15, 16 Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự và phát biểu ý kiến về quan điểm giải quyết vụ án. Đề nghị HĐXX Căn cứ khoản 1 điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58; khoản 1, 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147; điểm b khoản 2, Điều 227; khoản 1, 3 điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn H được ly hôn chị Quách Thị H1.

Về con chung: Giao con chung chưa thành niên là Trần Anh N, sinh ngày 19/6/2012 cho anh Trần Văn H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Chị Quách Thị H1 không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung vì anh H tự nguyện không yêu cầu. Chị H1 được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cấm cản trở.

Về tài sản chung; Nghĩa vụ chung về tài sản; Công sức: Anh H không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Anh Trần Văn H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng dân sự:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1, điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn chị Quách Thị H1 có hộ khẩu thường trú tại khu A, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Căn cứ điểm a, khoản 1, điều 35; điểm a, khoản 1, điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

[1.3]. Về sự vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Anh H có đơn xin được giải quyết xét xử vắng mặt. Phía chị Hoan T án đã gửi Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng chị H1 vắng mặt lần thứ 02 tại phiên tòa mà không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2, Điều 227; khoản 1, 3 điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, T án nhân dân huyện Cẩm Khê tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung: Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được xem xét tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Cuộc hôn nhân giữa anh H và chị H1 là hoàn toàn hợp pháp được UBND xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ cho đăng ký kết hôn ngày 21/11/2011 nhưng thực sự tình cảm vợ chồng giữa anh chị đã có vết rạn nứt, anh H cho rằng sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, không hợp nhau nên chung sống không hạnh phúc, tình yêu thương không có nên thường xuyên cãi vã nhau. Mặc dù đã được gia đình hai bên hòa giải nhiều lần nhưng không được. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2016 đến nay không ai quan tâm đến ai, nay anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với chị H1 nữa nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị H1. Phía chị Hoan T1 án đã báo gọi nhiều lần, chị H1 biết rõ việc T1 án đang giải quyết việc ly hôn giữa anh H và chị nhưng chị không đến Tòa án làm việc để thể hiện quan điểm của mình. Bố đẻ chị H1 là ông Quách Đại H2 xác nhận sau khi kết hôn thì chị H1 và anh H quá trình chung sống có phát sinh mâu thuẫn, anh chị đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Nay anh H xin ly hôn chị H1, chị H1 cũng đã chia sẻ với vợ chồng ông là đề nghị Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ giải quyết cho vợ chồng chị được ly hôn. Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê đã tiến hành xác minh về quan hệ hôn nhân của anh chị được đại diện chính quyền địa phương cung cấp sau khi kết hôn anh chị chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, chị H1 đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ chị ở, anh chị không ai còn quan tâm đến ai. Xét thấy cuộc hôn nhân giữa anh H và chị H1 đã mâu thuẫn rất trầm trọng, đời sống chung không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu kéo dài chỉ gây đau khổ cho cả hai bên, làm cho anh chị sống không đem lại hạnh phúc, không còn tình

yêu thương. Vì vậy cần xử cho anh H được ly hôn chị H1 là phù hợp với khoản 1 điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Anh H và chị H1 có 01 con chung là Trần Anh N, sinh ngày 19/6/2012 hiện cháu đang ở cùng anh Trần Văn H. Khi ly hôn anh H đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được quyền trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung và anh không yêu cầu chị H1 cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Xét thấy nguyện vọng của cháu Nguyễn x được ở với anh H và hiện nay cháu N đang ở cùng anh H, được anh H và bố mẹ anh H chăm sóc tốt, được ăn học đầy đủ. Vì vậy, để ổn định chỗ ăn, ở thuận lợi cho việc học tập và sự phát triển của con chung cần giao cháu N cho anh H được trực tiếp chăm sóc giáo dục nuôi dưỡng và chị H1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì anh H tự nguyện không yêu cầu là phù hợp.

[2.3]. Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Anh H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Anh H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58; khoản 1, 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, điều 35; điểm a, khoản 1, điều 39; khoản 4 điều 147; điểm b khoản 2, Điều 227; khoản 1, 3 điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn H được ly hôn chị Quách Thị H1.

[2]. Về con chung: Giao con chung chưa thành niên là Trần Anh N, sinh ngày 19/6/2012 cho anh Trần Văn H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi d^{ưỡng}, giáo dục kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Chị Quách Thị H1 không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung vì anh H tự nguyện không yêu cầu. Chị H1 được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cấm cản trở.

[3]. Về tài sản chung; Nghĩa vụ chung về tài sản; Công sức: Anh H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí: Anh Trần Văn H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận anh H đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo

biên lai số 0004797 ngày 23/02/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự (vắng mặt) có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết để đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo trình tự phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện;
- Các đương sự
- UBND xã T;
- Thi hành án dân sự;
- Lưu HS+ VP;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đinh Thị Thu Huyền